

Bản án số: 22/2021/HS-ST

Ngày 04 - 6 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thứ và ông Bùi Ánh Dương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- HS ngày 21 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh ngày 04/01/1988 tại huyện V, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Bị cáo là người nghiện chất ma túy. Tại Quyết định số 34/2017/QĐ - TA ngày 04/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn là 12 (Mười hai) tháng, đến ngày 20/4/2018 thì chấp hành xong. Đến nay đã được xóa tiền sự.

Con ông Hoàng Văn O, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là chị Dương Thị H, sinh năm 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2021. Hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Văn Bàn. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê Hoài S, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 08, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Dương Văn B, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

3, Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1, Anh Sầm Bình C, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng, đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ trưa ngày 28/02/2021, Hoàng Văn N nhìn thấy 01 máy xúc nhãn hiệu Doosan 250 màu cam (*quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Lê Hoài S, sinh năm 1983, trú tại Tổ dân phố số 8, Thị trấn K*) để ở bãi đất trống gần nhà bố vợ của N là ông Dương Văn B, sinh năm 1965, ở tổ dân phố B, thị trấn K. N thấy trên máy xúc có hộp kim loại đựng 02 bình ắc quy nhưng không khóa, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy để bán. N gọi điện thoại cho Sầm Bình C (*sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố M, Thị trấn K*) rủ trộm cắp bình ắc quy, nhưng C không đồng ý. Sau đó, Ngoan đi xe mô tô đến quán nước ở bờ hồ thuộc tổ 05, thị trấn K tiếp tục rủ C đi lấy trộm bình ắc quy, nhưng C không đồng ý. N liền rủ 01 người đàn ông không quen biết ngồi cùng bàn uống nước với C đi trộm cắp bình ắc quy thì được người này đồng ý rồi mỗi người đi một xe mô tô về nhà N. N vào bếp lấy 01 con dao có chiều dài 24cm, loại dao 01 lưỡi, cán bằng nhựa màu đen dài 10cm rồi cùng người đàn ông kia đi đến chỗ để chiếc máy xúc, N và người đàn ông lần lượt dùng dao cắt đứt dây điện nối 02 bình ắc quy nhãn hiệu GSN150, 12V 150Ah màu trắng - xanh, sau đó cho 02 bình ắc quy vào 02 bao tải, chằng buộc lên xe mô tô biển kiểm soát 24V1 – 1769, rồi N điều khiển xe mô tô này đi đến quán thu mua phế liệu

của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1975, trú tại tổ 11 thị trấn K) để bán bình ắc quy, người đàn ông cũng điều khiển xe mô tô đi theo sau. Đến nơi, người đàn ông đứng ở ngoài còn N đi vào nhà nói với chị H là N làm máy xúc, không dùng đến ắc quy nữa nên cần bán, chị H đồng ý mua và trả cho N 1.100.000 đồng. N nhận tiền đi về và chia cho người đàn ông đi cùng 500.000 đồng và tiêu sài hết 600.000 đồng. Đến ngày 04/3/2021, N đến Công an thị trấn K đầu thú, giao nộp xe máy biển kiểm soát 24V1 - 1769 cùng con dao sử dụng để cắt dây nối của bình ắc quy và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Chị Nguyễn Thị H đã giao nộp lại 02 bình ắc quy nhãn hiệu GSN150 12V 150Ah màu trắng - xanh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: 02 bình ắc quy nhãn hiệu GSN150 12V 150Ah màu trắng - xanh có trị giá 4.750.000 đồng.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-VB ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn N mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù. Về xử lý vật chứng, án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn N tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng được thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/02/2021, bị cáo Hoàng Văn N đã có hành vi trộm cắp 02 bình ắc quy quy nhãn hiệu GSN150 12V 150Ah màu trắng - xanh, là tài sản của anh Lê Hoài S, theo kết luận định giá tài sản có trị giá 4.750.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Mặc dù bị cáo có khai cùng người đàn ông không quen biết đi trộm cắp tài sản, nhưng quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch của người này, nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Sầm Bình C có hành vi không tố giác tội phạm, nhưng chưa cấu thành tội phạm, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

Đối với chị Nguyễn Thị H đã mua 02 bình ắc quy, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; ông Dương Văn B cho bị cáo N mượn xe mô tô biển kiểm soát 24V1 – 1769, nhưng không biết bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[3] Về hình phạt:

- Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo Hoàng Văn N là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự nguyện bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, khi bị cáo tác động em trai là Hoàng Văn N hoàn trả lại số tiền 1.100.000đ cho chị Nguyễn Thị H. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay vị đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã rút ý kiến đề nghị đối với tình tiết giảm nhẹ này. Xét thấy việc Viện kiểm sát rút ý kiến đối với tình tiết giảm nhẹ này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với điều luật, mức án Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, nên được chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, hiện đang nghiện chất ma túy, lần phạm tội này của bị cáo chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật không tốt. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Lê Hoài S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Chị Nguyễn Thị H là người mua 02 bình ắc quy với giá 1.100.000 đồng, bị cáo đã nhờ em trai là Hoàng Văn N hoàn trả số tiền trên cho chị H. Chị H không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, anh N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền trên: Ông Dương Văn B đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Đối với 02 bình ắc quy nhãn hiệu GSN150, 12V 150Ah màu trắng - xanh, là tài sản của anh Lê Hoài S, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu BOSS biển kiểm soát 24V - 1769, là tài sản của ông Dương Văn B - sinh năm 1965, trú tại Tổ dân phố B, Thị trấn K, cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với: 01 con dao có tổng chiều dài 24cm, loại dao 01 lưỡi, mũi nhọn, phần chuôi dao bằng nhựa màu đen có chữ KiWi, là công cụ phạm tội, nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 04/3/2021

Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao có tổng chiều dài 24cm, loại dao 01 lưỡi, mũi nhọn, phần chuôi dao bằng nhựa màu đen có chữ KiWi.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC(1);
- VKSND (02);
- CQCSĐT Công an VB(1);
- CQTHAHS Công an VB (1);
- Sở tư pháp tỉnh LC(1);
- Bị cáo; bị hại, NLQ (5);
- THA HS (03)
- THA DS (01)
- Lưu HS; LĐ, TP, VP, KT (05)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa

Mặt khác: Theo tinh thần của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 02/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có hướng dẫn như sau:

“1. Về tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của BLHS

1.1. Cũng được áp dụng tình tiết "người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả" nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

c. Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận, nếu số tiền, tài sản đó đã được giao cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác quản lý để thực hiện việc sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra;

d. Bị cáo (không phân biệt là người đã thành niên hay người chưa thành niên) hoặc cha, mẹ của bị cáo chưa thành niên xuất trình được chứng cứ chứng minh là họ đã tự nguyện dùng tiền, tài sản để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhưng người bị hại, nguyên đơn dân sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ từ chối nhận và họ đã đem số tiền, tài sản đó về nhà cất giữ để sẵn sàng thực hiện việc bồi thường khi có yêu cầu;

Từ hướng dẫn này có thể nhận thấy là thiệt hại là do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra. Và người bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây phải là bị hại, nguyên đơn dân sự mà không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên tình tiết này Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.